

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:592 /2019/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 853/2019/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lưu Quang K, sinh năm 1973

ĐKKHKT và trú tại: Căn hộ chung cư 301A, nhà A, tập thể T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1976

ĐKKHKT: P5 nhà 6 Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

Trú tại: Căn hộ chung cư 301A, nhà A, tập thể T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lưu Quang K và chị Vũ Thị Q

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Lưu Quang K và chị Vũ Thị Q xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Lưu Quang M, sinh ngày 05/5/2006 và Lưu Quỳnh C, sinh ngày 24/9/2007.

Giao 02 con chung là Lưu Quang M, sinh ngày 05/5/2006 và Lưu Quỳnh C, sinh ngày 24/9/2007 cho chị Vũ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lưu Quang K cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

Anh Lưu Quang K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

2.2. Về tài sản chung (Động sản, bất động sản):

- **Về động sản:** Anh Lưu Quang K và chị Vũ Thị Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- **Về bất động sản:** Anh Lưu Quang K và chị Vũ Thị Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về các khoản nợ chung: Anh Lưu Quang K và chị Vũ Thị Q xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí: Anh Lưu Quang K phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Vũ Thị Q phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lưu Quang K chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lưu Quang K phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004642 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai
- UBND phường Đ, quận Hai B, Hà Nội (Số 14, Quyết số: 01/2005, ngày 27/01/2005)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Trung

